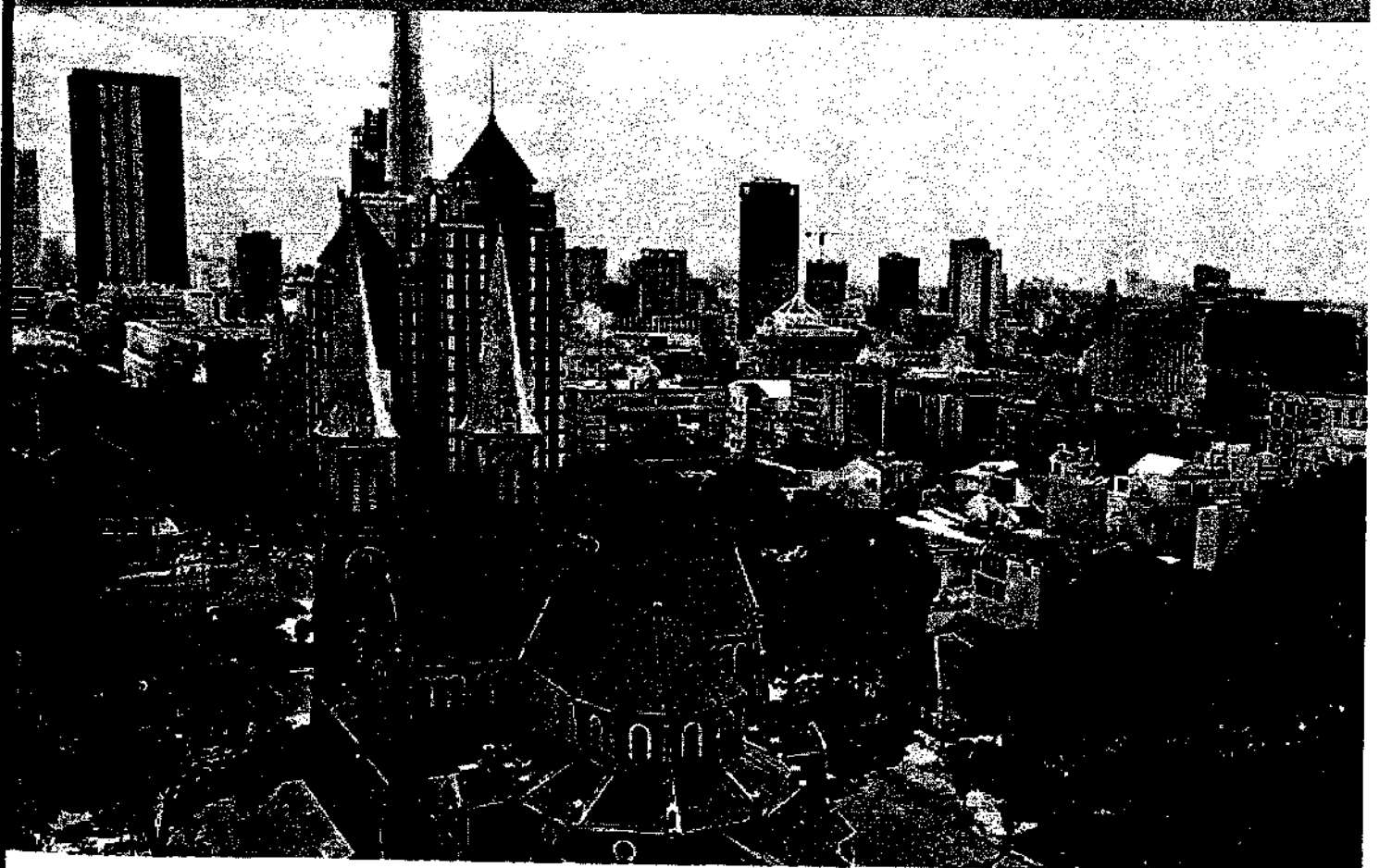


# Kỷ Yếu HỘI THẢO

QUẢN LÝ XÃ HỘI HƯỚNG ĐẾN  
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG  
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Thành Phố Hồ Chí Minh, Ngày 29 Tháng 08 Năm 2018

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUẢN LÝ XÃ HỘI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Tổng thuật nội dung tham luận hội thảo quản lý xã hội hướng đến phát triển đô thị bền vững ở Thành Phố Hồ Chí Minh  
*PGS.TS. Nguyễn Văn Trinh*..... 6
2. Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội – Những vấn đề đặt ra với đô thị đặc biệt Thành Phố Hồ Chí Minh  
*PGS.TS. Phan Xuân Biên*..... 12
3. Quản lý phát triển xã hội đô thị thông minh trong bối cảnh hiện nay, xu hướng và giải pháp cơ bản  
*TS. NCVCC Hồ Bá Thâm*..... 18
4. Phát triển đô thị bền vững ở Thành Phố Hồ Chí Minh và vai trò người dân  
*ThS. Lê Văn Thành*..... 25
5. Quản lý sai lệch xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh - Cận cảnh hàng rong  
*TS. Nguyễn Thị Toàn Thắng*..... 38
6. Quản lý xã hội từ góc nhìn phúc lợi xã hội  
*Nguyễn Ngọc Anh Thư*..... 48

### **PHẦN 2: NHẬN DIỆN THỰC TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ QUẢN LÝ XÃ HỘI NỔI BẬT**

7. Nhìn lại các vấn đề cơ cấu xã hội nổi bật trong 30 năm đổi mới (1986-2016) hướng đến xây dựng cơ cấu xã hội bền vững ở Thành Phố Hồ Chí Minh  
*Nguyễn Tôn Thị Tường Vân*..... 57
8. Một số vấn đề xã hội nổi bật về cung – cầu lao động trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay  
*ThS. Trần Anh Tuấn* ..... 67

9. Phát triển bền vững doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao <i>ThS. Từ Minh Thiện</i> .....	82
10. Các mô hình câu lạc bộ, nhóm gia đình giúp các hộ gia đình nghèo, cận nghèo thoát nghèo bền vững ở Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh</i> .....	94
11. Thực trạng và giải pháp cho các vấn đề an sinh xã hội ở Thành Phố Hồ Chí Minh <i>Nguyễn Thị Minh Tâm</i> .....	101
12. Thực trạng giáo dục phổ thông Thành Phố Hồ Chí Minh trong xu thế phát triển bền vững <i>TS. Nguyễn Thị Hoài Hương</i> .....	109
13. Quản lý xã hội trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe - Thực trạng và giải pháp <i>Nguyễn Thị Thanh Tâm</i> .....	118
14. Từ bức khám tiêu văn hoá đến không gian giao tiếp công cộng nghệ về đô thị phát triển bền vững <i>ThS. Trần Thị Ngọc Nờ</i> .....	125
15. Những biến đổi đời sống văn hoá về chất lượng sống tại các xã nông thôn mới Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Huỳnh Văn Sinh – ThS. Nguyễn Thị Lộc Uyên</i> .....	135
16. Quản lý xã hội bền vững từ công tác chính trang đô thị trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh <i>TS. Du Phước Tân</i> .....	147
17. Công tác quản lý, đầu tư phát triển hạ tầng giao thông vận tải, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố <i>Sở Giao thông vận tải TP.HCM</i> .....	161
18. Một số vấn đề đặt ra đối với hạ tầng đô thị tại Thành Phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh phát triển đô thị bền vững <i>ThS. Nguyễn Thu Hà</i> .....	172

19. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả cho chương trình phân loại rác tại nguồn của Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Nguyễn Hữu Khiêm</i> .....	177
20. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý cai nghiện ma túy góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội phục vụ phát triển đô thị tại Thành Phố Hồ Chí Minh <i>Tướng Ngọc Tuấn</i> .....	187
21. Thực trạng an toàn phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Nguyễn Thị Hà – ThS. Nguyễn Thị Hương</i> .....	195

### **PHẦN 3: VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ NGƯỜI DÂN TRONG VIỆC THAM GIA QUẢN LÝ XÃ HỘI**

22. Về nâng cao hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới, hướng đến phát triển đô thị bền vững <i>Đỗ Văn Đạo</i> .....	203
23. Sự tham gia của người dân trong quản lý xã hội và xây dựng đô thị thông minh ở Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Nguyễn Đặng Phương Truyền</i> .....	210
24. Phát huy hơn nữa vai trò tự quản của các tổ chức cộng đồng dân cư ở cơ sở trong việc tham gia quản lý xã hội <i>ThS. Đặng Thanh Tuyên</i> .....	222
25. Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường hướng đến phát triển đô thị bền vững ở Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Hà Thị Liên</i> .....	231
26. Công đoàn tham gia quản lý xã hội hướng tới phát triển đô thị bền vững ở Thành Phố Hồ Chí Minh <i>Nguyễn Thành Đô</i> .....	240

### **PHẦN 4: GỢI MỞ GIẢI PHÁP**

27. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh hướng đến phát triển đô thị bền vững và các giải pháp <i>TS. Trần Văn Thận</i> .....	249
--	-----

28. Giải pháp đảm bảo an sinh xã hội cho người dân ở Thành Phố Hồ Chí Minh <i>TS. Nguyễn Văn Tuấn</i> .....	259
29. Bảo tồn di sản đô thị: vai trò của chính quyền và xã hội <i>TS. Nguyễn Thị Hậu</i> .....	269
30. Một số giải pháp góp phần giảm ùn tắc giao thông hướng tới sự phát triển đô thị bền vững tại Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Đặng Ngọc Linh</i> .....	276
31. Thực trạng và giải pháp nâng cao nhận thức của người dân về quản lý xã hội tại Thành Phố Hồ Chí Minh <i>ThS. Phan Thị Cẩm Giang</i> .....	287

# QUẢN LÝ XÃ HỘI TỪ GÓC NHÌN PHÚC LỢI XÃ HỘI

NGUYỄN NGỌC ANH THƯ

Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố

*Tóm tắt: Bài viết đúc rút các nhận định luận chứng về mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại giữa quản lý xã hội, quản trị xã hội với phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Trong thời đại ngày nay, nội hàm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đang tiến đến rất gần với nhau. Điểm gặp nhau cuối cùng từ các vấn đề trên chính là phát triển đô thị bền vững, với mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển toàn diện yếu tố con người.*

**Từ khóa:** quản lý, quản trị, phúc lợi, phát triển bền vững, an sinh, phát triển con người, TPHCM.

## 1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

### 1.1. Quản trị, quản lý, quản trị xã hội

Theo nghĩa chung nhất, quản trị có nghĩa là hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm soát một nhóm người, một tổ chức hay một quốc gia nhằm đáp ứng nhu cầu của họ. Quản trị thường được định nghĩa là việc thực thi quyền lực hay quyền hành bởi người lãnh đạo nhằm bảo đảm phúc lợi của các thành viên trong tổ chức hay cộng đồng. Nội hàm thuật ngữ quản lý có nhiều nội dung tương tự quản trị, nhưng có những khác biệt cần được làm rõ để có thể sử dụng một cách phù hợp.<sup>28</sup>

Quản lý tức là lập kế hoạch, tổ chức, chỉ huy, phối hợp và kiểm tra, quản lý chỉ là biện pháp và công cụ của tổ chức xã hội, chức năng quản lý chỉ tác động đến con người. Vấn đề là trong các chức năng của quản lý có chức năng “chỉ huy” mà không ít người hiểu nhầm là “lãnh đạo” và do vậy mới cho rằng lãnh đạo là một bộ phận của quản lý. Nhưng theo Fayol (1949), quản lý chỉ là một trong sáu chức năng hay sáu công việc của cả một tổ chức, một doanh nghiệp do lãnh đạo bảo đảm thực hiện. Năm công việc kia là sản xuất, trao đổi, tài chính, bảo vệ và kế toán.

Ở góc độ xã hội thì quản lý xã hội và quản trị xã hội là hai khái niệm tương đồng. Từ những năm 1980 đến nay khái niệm quản trị bao gồm (i) quản trị nhà nước với các chủ thể là các tổ chức và thể chế của nhà nước, (ii) quản trị xã hội dân sự với các tổ chức phi chính phủ và hộ gia đình, (iii) quản trị thị trường, khu vực tư nhân với các tổ chức doanh nghiệp. Căn cứ cấp độ, phạm vi hoạt động có thể phân biệt quản trị địa phương, quản trị quốc gia, quản trị khu vực và quản trị toàn cầu. Căn cứ lĩnh vực

<sup>28</sup>Lê Ngọc Hùng, “Quản lý xã hội, quản trị xã hội từ góc độ lý thuyết hệ thống” Tạp chí Cộng sản (16/1/2018)

đời sống xã hội có thể phân biệt quản trị kinh tế, quản trị giáo dục, quản trị khoa học, quản trị xã hội và các loại quản trị khác.

## 1.2. *Quản lý xã hội và phúc lợi xã hội*

Talcott Parsons có đóng góp lớn trong nghiên cứu và phát triển lý thuyết hệ thống tổng quát trong xã hội học theo hướng lấy chức năng để giải thích cấu trúc của hệ thống xã hội. Theo Parsons, bất kỳ một hệ thống xã hội nào cũng phải thực hiện ít nhất bốn yêu cầu chức năng để có thể sinh tồn, vận động và phát triển trong môi trường luôn biến đổi. Đó là chức năng thích ứng, hướng đích, đoàn kết và duy trì khuôn mẫu. Vận dụng cách tiếp cận lý thuyết hệ thống bốn chức năng có thể thấy quản trị xã hội có chức năng hướng đích cho cả hệ thống. Chức năng hướng đích này có thể được thao tác hóa, phân hóa thành những chức năng cụ thể là: (1) thiết kế và tổ chức các hoạt động đầu vào, hoạt động sản xuất và hoạt động đầu ra của cả hệ thống, (2) xác định mục tiêu chung của cả hệ thống bảo đảm cân bằng lợi ích các bên tham gia, (3) xác định hệ giá trị, chuẩn mực để bảo đảm sự đồng bộ, an toàn, trật tự, (4) xây dựng và phát triển văn hóa của hệ thống xã hội. Nói ngắn gọn, với tính cách là một tiêu hệ thống hướng đích của hệ thống xã hội, quản trị xã hội thực hiện cả bốn chức năng là thích ứng, hướng đích, đoàn kết và duy trì khuôn mẫu cho cả hệ thống nhằm đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong mối quan hệ với môi trường xung quanh.

Phúc lợi xã hội, từ góc độ lý thuyết chức năng, có thể được xem như là một phần của quản trị xã hội. Mục đích của chính sách an ninh xã hội và phúc lợi xã hội là nhằm giữ vững ổn định kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước, giảm bất bình đẳng, phân hoá giàu nghèo, phân tầng xã hội, bảo đảm mức sống cho người dân, phát triển nguồn nhân lực và tạo sự đồng thuận giữa các nhóm xã hội trong quá trình phát triển.<sup>29</sup>

“Phúc lợi xã hội” là cụm từ thường xuyên xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng và đóng vai trò là một bộ phận trong thu nhập quốc dân của xã hội. Nó được sử dụng cho các chi phí như trả tiền hưu trí, các loại trợ cấp bảo hiểm xã hội, học bổng cho học sinh, dịch vụ y tế, nhà trẻ, mẫu giáo, các công trình công cộng cho mọi người dân. Do đó, những quốc gia có hệ thống phúc lợi xã hội tốt sẽ đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần bền vững cho người dân.<sup>30</sup>

<sup>29</sup> Chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, 2013, truy cập ngày 28/6/2018 tại: <http://ussh.vnu.edu.vn/d6/vi-VN/news/Chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-va-phuc-loi-xa-hoi-1-702-5905>

<sup>30</sup> Tạp chí Mặt trận (2017), truy cập ngày 28/6/2018 tại <http://tapchimatran.vn/the-gioi/xay-dung-he-thong-phuc-loi-xa-hoi-ben-vung-o-cac-quoc-gia-on-tren-the-gioi-9385.html>

## 2. MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÚC LỢI XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mối quan hệ giữa phúc lợi xã hội với phát triển bền vững sẽ được xem xét trong 3 góc độ tương ứng với 3 trụ cột về nội hàm và tiêu chí của phát triển bền vững là công bằng xã hội, chỉ số phát triển con người (HDI) và vấn đề môi trường.

### 2.1. Phúc lợi xã hội và công bằng xã hội

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích về chủ nghĩa xã hội một cách rất thiết thực, mộc mạc, dễ hiểu đối với đông đảo đồng bào trong nước: “Chủ nghĩa xã hội là công bằng hợp lý: Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom”<sup>31</sup>, “chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”<sup>32</sup>.

Như vậy, ở thời kì đầu của quản lý xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ quan hệ công bằng xã hội được thiết lập trên sự công bằng trong phân công lao động và phân phối thu nhập từ lao động (làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, mọi người đều có công ăn việc làm), và phúc lợi xã hội (người già yếu tàn tật được Nhà nước giúp đỡ chăm nom, nhân dân thoát nạn bần cùng).

Trong quá trình phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai vận dụng mối quan hệ trên đây cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Thực hiện quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách, Báo cáo chính trị tại Đại hội XI (tháng 1-2011) của Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, vượt qua khó khăn hoặc các rủi ro trong đời sống. Tăng tỷ lệ người lao động tham gia các hình thức bảo hiểm. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ bảo hiểm xã hội, chuyển các loại hình trợ giúp, trợ cấp xã hội sang cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng. Bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng, có cơ hội tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu... Huy động mọi nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của những người và gia đình có công”<sup>33</sup>.

Với chức năng do Hiến pháp quy định, Quốc hội và Chính phủ nước ta đã lần lượt thể chế hóa những chủ trương, quan điểm nêu trên của Đảng thành hệ thống pháp luật, chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án,... cụ thể để đưa vào cuộc sống. Nhờ vậy, cùng với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng

<sup>31</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.9, tr.175

<sup>32</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổ*, t.10, tr. 17

<sup>33</sup> *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 228 - 229



xã hội, sự nghiệp bảo đảm an sinh xã hội hay phúc lợi xã hội ở nước ta mấy chục năm qua đã đạt được nhiều thành tựu rất đáng khích lệ.<sup>34</sup>

## 2.2. Phúc lợi xã hội và chỉ số phát triển con người (HDI)

HDI là một chỉ số tổng hợp đánh giá tiến bộ về lâu dài ở 3 khía cạnh cơ bản của phát triển con người: Sống lâu và sống khỏe mạnh, được đo bằng tuổi thọ kỳ vọng trung bình; Kiến thức, được đo bằng số năm đi học kỳ vọng và số năm đi học trung bình; Mức sống bền vững, được đo bằng phép biến đổi lô-ga-rít của tổng thu nhập quốc gia (GNI) bình quân đầu người theo đồng USD.

Theo GS-TS Nguyễn Xuân Thắng- Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, thông qua lăng kính phát triển con người, báo cáo tiếp cận theo cách lấy con người làm trung tâm để xem xét sự tham dự bao trùm của người dân Việt Nam vào quá trình phát triển của đất nước kể từ cuối những năm 1980. Những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của Việt Nam có xu hướng chững lại, đặc biệt sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Tăng trưởng giảm sút và khoảng cách giữa các vùng miền, các tỉnh và nhóm dân cư vẫn chưa được thu hẹp.

Năm 1980 chỉ số HDI của Việt Nam vừa đủ cao hơn mức bình quân của khu vực Đông Á-Thái Bình Dương và nhóm nước phát triển con người trung bình. Đến năm 1990 HDI của Việt Nam rõ ràng đã tụt lại so với khu vực, thấp hơn đến 8,5%. Khoảng cách được thu hẹp xuống 4,7% vào năm 2008, nhưng đến năm 2014 thì cách biệt trong chỉ số HDI của Việt Nam với khu vực Châu Á và Thái Bình Dương đã tăng trở lại đến 10,2%.

Mặc dù một phần của sự tụt hậu này do thành tích xuất sắc của Trung Quốc - với giá trị HDI chỉ là 0,43% năm 1980 (thấp hơn cả Việt Nam) tăng lên đến 0,727 năm 2014 (chỉ sau Hàn Quốc và Malaysia), song đây cũng là do thành tích tốt hơn của các nước khác có mức độ phát triển tương đương như Việt Nam. Nổi bật là Indonesia và Thái Lan, cả hai nước có vị trí xuất phát điểm rất gần Việt Nam, với những cải thiện hàng năm nhìn chung cao hơn Việt Nam.

Theo GS TS Nguyễn Xuân Thắng tại buổi công bố Báo cáo phát triển con người Việt Nam năm 2015 về tăng cường bao trùm và Báo cáo phát triển con người toàn cầu năm 2015, “tăng trưởng trong quá khứ mặc dù đã mang lại những chuyển dịch cơ cấu xã hội to lớn, với việc thu hẹp tỷ trọng của nhóm dân cư nghèo, cận nghèo và mở rộng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu, song đời sống của những người ở nhóm trung lưu còn chưa được đảm bảo an toàn trước các rủi ro và những khó khăn của những người vẫn thuộc diện nghèo, đặc biệt ở những cộng đồng dân tộc thiểu số thì ngày càng khó giải quyết”.<sup>35</sup>

<sup>34</sup> Phạm Xuân Nam, “An sinh xã hội và công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Cộng sản, đăng ngày 30/9/2016

<sup>35</sup> Trích phân phát biểu của GS-TS Nguyễn Xuân Thắng về Báo cáo phát triển con người Việt Nam năm 2015 về tăng cường bao trùm và Báo cáo phát triển con người toàn cầu năm 2015, theo Thế Kha, “Phát triển con người của Việt Nam đang chậm dần và tụt hậu”, báo Dân Trí ngày 05/02/2016

Thực tiễn đó cho thấy mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa chỉ số phát triển con người (HDI) và phúc lợi xã hội hay an sinh xã hội. An sinh xã hội là một phần của phúc lợi xã hội. An sinh xã hội là phúc lợi xã hội do Nhà nước đảm nhận vai trò quản lí, điều hành. Thời đại ngày nay, nội hàm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đang tiến đến rất gần với nhau. Trong bài viết này, do đó, không có sự phân biệt quá cụ thể giữa hai khái niệm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội.

Bài viết có sự phân tích chính sách an sinh xã hội (cụ thể là ở tỉ lệ bao phủ của bảo hiểm xã hội) và chỉ số phát triển con người (HDI) trong giai đoạn 3 năm (số liệu từ BHXH Việt Nam) 2013 – 2015 để thấy rõ mối quan hệ này. Phương pháp phân tích là so sánh tương quan sử dụng phần mềm Stata và SPSS.

**Bảng 1. Phân tích tương quan giữa an sinh xã hội và HDI**

	TL_ASXH <sup>36</sup>	HDI
HDI	0.9963*	
	0.05	
HDI_rank <sup>37</sup>	-0.9984*	-0.9897
	0.0362	0.0913

\*: Có ý nghĩa ở mức ý nghĩa 5%

Tên và ý nghĩa các biến:

TL\_ASXH: tỉ lệ người dân trong lực lượng lao động tham gia các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế Nhà nước

HDI: chỉ số phát triển con người

HDI\_rank: thứ hạng của Việt Nam trong bảng xếp hạng chỉ số phát triển con người thế giới

Kết quả phân tích tương quan trong 3 năm (2013 – 2015) cho thấy tỉ lệ người dân trong lực lượng lao động tham gia các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam có ý nghĩa tương quan ở mức 5% với chỉ số phát triển con người (HDI), với mối quan hệ có ý nghĩa tích cực. Điều này cho thấy mối quan hệ gắn bó giữa an sinh xã hội (hay phúc lợi xã hội) đối với việc phát triển con người Việt Nam.

Tuy nhiên, đối với việc tăng thứ hạng HDI thì tỉ lệ an sinh xã hội (tính bằng tỉ lệ người lao động tham gia các chính sách an sinh xã hội) lại có tương quan âm. Điều này cho thấy trong khi quá quan tâm đến việc thu hút người dân vào tham gia chế độ chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế Nhà nước, có thể ta đã quên mất vai trò cũng không kém phần quan trọng của các loại hình phúc lợi xã hội phi chính phủ hoặc dân sự.

36 TL\_ASXH: tỉ lệ bao phủ của BHXH, tính bằng tỉ lệ giữa số người dân tham gia BHXH, BHYT và tổng số lao động

37 Thứ hạng của Việt Nam trong bảng xếp hạng chỉ số HDI thế giới

### **2.3 Phúc lợi xã hội và vấn đề môi trường**

Tại Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ qua lại giữa phúc lợi xã hội và môi trường. Tuy nhiên, một nghiên cứu tại Ecuador của nhóm nghiên cứu của Segarra et al (2003) cho thấy tổng phúc lợi xã hội cần được gia tăng để bù trừ cho các tổn thất kinh tế trong quá trình bảo vệ môi trường. Ecuador có thể mất 122 triệu USD (giảm 11%- từ 1,112 tỉ USD còn 989,66 triệu USD) nếu giảm 30% tổng số thuốc trừ sâu sử dụng cho 4 loại cây trồng chính. Thiệt hại kinh tế chủ yếu là đối với các nhà sản xuất thuốc trừ sâu và người tiêu dùng. Tuy nhiên, nghiên cứu còn hạn chế là chưa tính đến các tổn thất về lâu dài của người tiêu dùng như sức khỏe và các vấn đề xã hội khác. Điều này cho thấy trong quá trình hướng đến phát triển bền vững cần phải đảm bảo cân bằng hài hòa giữa các lợi ích kinh tế và môi trường. Một lợi ích kinh tế mất đi trong quá trình phát triển cần được đảm bảo cân bằng bởi một phúc lợi xã hội có ý nghĩa.

### **2.4 Phúc lợi xã hội và các lựa chọn phát triển tại châu Âu**

Ở châu Âu, có một nghiên cứu của nhóm tác giả Toikko & Rantanen (2015) về thái độ của người dân đối với phúc lợi xã hội tại 23 quốc gia châu Âu phân biệt hai loại chính: thái độ của người dân về chính sách quốc gia và thái độ đối với nghèo đói. Nghiên cứu cũng nghiên cứu tác động của những nhân tố tình huống (mức độ bất bình đẳng thu nhập, chi phí xã hội, bảo hiểm xã hội) đối với thái độ của người dân về phúc lợi xã hội. Số liệu được thu thập chủ yếu vào năm 2012. Kết quả cho thấy các nhân tố tình huống có ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt trong cách mà người dân đánh giá về chính sách xã hội quốc gia. Tuy nhiên, phân tích đồng thời tác động cho thấy các nhân tố tình huống chỉ có ảnh hưởng gián tiếp đến thái độ của người dân với nghèo đói, trong đó yếu tố trung gian là thái độ của người dân với chính sách xã hội. Thái độ của người dân với chính sách xã hội, qua kết quả nghiên cứu, cho thấy có mối liên hệ với loại hình nhà nước, đặc biệt tại các quốc gia khối Bắc Âu (Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển) và các quốc gia theo chủ nghĩa tự do (đặc biệt là Anh và Ireland). Tại các quốc gia này, ý kiến của người trả lời về thái độ với chính sách quốc gia và thái độ với nghèo đói có mối tương quan dương.

Đối với an sinh xã hội, một bộ phận của phúc lợi xã hội, tại châu Âu hiện có hai hướng phát triển chính (Ejmaes A and Boje T.B, 2011). Một là, phát triển theo hướng bảo vệ xã hội chủ yếu gồm đầu tư vào trẻ em và người già, đầu tư chăm sóc trẻ em và bảo vệ phúc lợi gia đình, bảo vệ bà mẹ sau sinh. Hai là, phát triển theo hướng đầu tư vào nguồn vốn xã hội, giảm các quy định nặng nề về lao động và tạo nhiều điều kiện cho người lao động tìm việc làm, gia nhập thị trường lao động, tăng đầu tư cho giáo dục học tập suốt đời và học tập ngoài giờ. Đa số các chính sách an sinh xã hội tại các quốc gia chủ yếu là một sự kết hợp giữa hai loại hình này.

**Bảng 2. Các định hướng phát triển an sinh xã hội tại các quốc gia châu Âu**

	Mức độ bảo vệ xã hội cao	Mức độ bảo vệ xã hội thấp
Mức độ đầu tư xã hội cao (thị trường lao động hiệu quả hướng đến chính sách bảo vệ cha mẹ chăm sóc trẻ em, học tập suốt đời, khả năng tuyển dụng)	Nguy cơ thất nghiệp thấp, thời giờ làm việc ít hơn do được bảo đảm an toàn xã hội cao và không lo đói nghèo. Quốc gia: Đan Mạch	Nguy cơ thất nghiệp thấp và thời giờ làm việc ít. Tuy nhiên, khả năng đối nghèo cao. Quốc gia: Anh
Mức độ đầu tư xã hội thấp	Nguy cơ thất nghiệp trung bình và thời giờ làm việc ít. Khả năng đối nghèo thấp. Quốc gia: Đức	Nguy cơ thất nghiệp cao. Khả năng đối nghèo cũng cao. Quốc gia: Ba Lan và Tây Ban Nha

*Nguồn: Ejrnaes A and Boje T.B (2011)*

### **3. SỰ BIẾN ĐỔI CỦA QUẢN LÝ XÃ HỘI TRONG ĐÓ CÓ PHÚC LỢI XÃ HỘI TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

Trước kia, quản trị chủ yếu là quá trình tập trung và thực thi quyền lực, quyền hành và quyền uy để chỉ huy, thống trị và kiểm soát. Nhưng ngày nay quản trị bao gồm cả quá trình phi tập trung, quản lý quan hệ và tạo sự đồng thuận. Đặc biệt, trong quản trị nhà nước, đó là sự biến đổi quản trị từ “cai trị, thống trị, chỉ huy, ra lệnh, kiểm soát” sang “điều tiết, phục vụ, hỗ trợ và kiến tạo, phát triển”. Sự biến đổi quản trị xã hội đang tuân theo xu hướng biến đổi từ quản trị chiếm đoạt sang quản trị dung hợp, bao trùm thu hút tất cả mọi người tham gia vào quá trình kiến tạo, phát triển. Ở Việt Nam quản trị Nhà nước các cấp độ từ Trung ương đến địa phương đều hướng đến phát triển bền vững, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.<sup>38</sup>

Ở góc độ phúc lợi xã hội, theo UNDP, hai nhóm bị tụt hậu ở Việt Nam là Dân tộc thiểu số và người di cư từ nông thôn ra thành thị. Bất bình đẳng đối với dân tộc thiểu số là vấn đề dai dẳng, đã có cải thiện nhưng khoảng cách vẫn còn rất lớn. Trong khi nghèo thu nhập của toàn quốc là 7% thì tỉ lệ này ở dân tộc thiểu số là 23%. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là vị trí địa lý, hạn chế về cơ cấu, các định kiến xã hội về trao quyền, cơ hội và khả năng tiếp cận dịch vụ công.<sup>39</sup>

<sup>38</sup>Lê Ngọc Hùng, đd.

<sup>39</sup>Theo báo cáo phát triển con người của UNDP năm 2016, trích từ bài “Các nhóm yếu thế vẫn bị tụt hậu trong các ưu tiên phát triển” đăng trên web UNDP ngày 26/04/2017

Do đó, tuy các chỉ số phát triển kinh tế, đặc biệt trong 6 tháng năm 2018 cho thấy nhiều dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, chưa thể nói được là phát triển xã hội của ta đã bền vững hay chưa, đi vào trạng thái phục hồi nhanh và ổn định chưa. Nhiều nghiên cứu về quản trị xã hội trong đó có phúc lợi xã hội và an sinh xã hội vẫn cần được thực hiện để đảm bảo định hướng phát triển bền vững.

Cụ thể, tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung, nên chăng có những nghiên cứu, thảo luận thêm về thực trạng và giải pháp thu hút sự tham gia của khối dân sự vào quá trình xây dựng và phát triển các giải pháp phúc lợi xã hội cho cộng đồng, nhu cầu và giải pháp hình thành các quỹ phúc lợi do đại diện cộng đồng dân cư hoặc các doanh nghiệp, khối dân sự quản lí, vấn đề giám sát đầu tư công, vấn đề bảo đảm lợi ích của người dân nhập cư, kinh tế hộ gia đình, bảo đảm quyền lợi lao động của người dân thành phố, giải pháp xây dựng xã hội học tập trên địa bàn Thành phố, cũng như một số vấn đề quản trị xã hội khác.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo phát triển con người của UNDP năm 2016, trích từ bài “*Các nhóm yếu thế vẫn bị tụt hậu trong các ưu tiên phát triển*” đăng trên web UNDP ngày 26/04/2017
2. Ejrnaes A and Boje T.B (2011), “*Different routes to social security in Europe: social protection or social investment*”, International Journal of Social Work and Social Sciences, 2011.
3. Segarra et al (2003), “*Social Welfare And Environmental Degradation In Agriculture: The Case Of Ecuador*”, Bài viết tham dự hội thảo thường niên của Hiệp hội các nhà kinh tế học nông nghiệp quốc tế, tháng 8/2003.
4. Toikko T & Rantanen T (2015), “*The future of social policy in Europe: An analysis of attitude toward social welfare*”, Journal of Economic and Social Development, Vol.2, No.2, 2015.
5. Tạp chí Mặt trận (2017), truy cập ngày 28/6/2018 tại <http://tapchimattran.vn/the-gioi/xay-dung-he-thong-phuc-loi-xa-hoi-ben-vung-o-cac-quoc-gia-on-tren-the-gioi-9385.html>
6. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 228 - 229
7. Phạm Xuân Nam, “*An sinh xã hội và công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Cộng sản, đăng ngày 30/9/2016
8. Lê Ngọc Hùng, “*Quản lý xã hội, quản trị xã hội từ góc độ lý thuyết hệ thống*” Tạp chí Cộng sản (16/1/2018)